

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2434 /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2023

Ngày: 20/6/2023
Chuyển: CM

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần số 03: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Bắc Giang thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước; số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 của Bộ NN&PTNT về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Văn bản số 337/UBND-KTN ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc giao chủ đầu tư thực hiện Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước Cẩm Sơn và Cửa Cốc;

Văn bản số 1924/UBND-KTN-TL ngày 19/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thống nhất quy mô đầu tư, TMĐT công trình hồ Cẩm Sơn và hồ Cửa Cốc, tỉnh Bắc Giang;

Xét Tờ trình số 65/TTr-BQL2-KHĐT ngày 28/4/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng thủy lợi II về việc thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo kết quả thẩm tra của Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sao Mai - Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển và Hội nhập toàn cầu - Trung tâm Tư vấn Khoa học công nghệ phát triển tài nguyên nước tại các báo cáo số 40/BCTT-SAMICO ngày 06/3/2023 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Sao Mai; số 05/BC-TC ngày 06/02/2023 của Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển và Hội nhập Toàn Cầu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 612/BC-TL-ATĐ ngày 31/5/2023 của Cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần số 03 thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2
- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa nước Cẩm Sơn, Cửa Cốc nhằm đảm bảo an toàn công trình đầu mối và hạ du; phát huy tối đa nhiệm vụ công trình, chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Viện Thủy công - Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật Thủy lợi - Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - Công ty TNHH Nam Việt - Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng An Thịnh.

6. Địa điểm xây dựng: Huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

7. Diện tích đất sử dụng: Không.

8. Loại, cấp công trình, chỉ tiêu thiết kế:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Nhóm dự án thành phần: Dự án nhóm C.
- Cấp công trình, các chỉ tiêu thiết kế:

Chỉ tiêu thiết kế	Cẩm Sơn	Cửa Cốc
Cấp công trình	Cấp I	Cấp III
Tần suất lũ thiết kế (%)	0,5	1,5
Tần suất lũ kiểm tra	0,1	0,5

9. Số bước thiết kế:

- Thiết kế 2 bước:
- Thiết kế cơ sở
 - Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, Báo cáo NCKT và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12571:2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8298:2009 Chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép của công trình thủy lợi;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9147:2012 Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

11. Phương án xây dựng: Theo hình thức sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể:

11.1. Hồ Cẩm Sơn

a) Đập đất:

- Sửa chữa mái thượng lưu và 2 vai đập theo phương án bóc bỏ lớp đã lát khan cũ; gia cố lại bằng các tấm BTCT M250 dày 15cm, kích thước mỗi tấm 5,0x5,0m từ cao trình +60,0m đến đỉnh đập. Sửa chữa, chỉnh trang và sơn tường chắn sóng;

- Bỏ sung rãnh thoát nước mái hạ lưu đập, sửa chữa kênh đo thấm; kết cấu bằng gạch xây vữa M100;

b) Cổng lấy nước:

- Sửa chữa, cải tạo nhà tháp van bằng biện pháp đục sò sau đó trát lại, thay mới cửa đi, cửa sổ và lan can; xử lý thấm và lợp lại mái;

- Thay mới cửa van công lấy nước (gồm cả van vận hành và van sửa chữa), đóng mở bằng vít me điện kết hợp thủ công;

- Xử lý rò rỉ tại khớp nối số 3 và số 4 theo phương án tháo ra, thay gioăng cao su sau đó lắp lại; thay thế các tấm nắp BTCT tại 04 ô khớp nối.

c) Trần xả lũ:

- Trần số 1

- + Thay mới 12 cánh phai dự phòng và hệ thống cầu trục nâng hạ cánh phai bằng điện; làm mới hệ thống lan can bảo vệ 2 bên trần bằng thép không gỉ;

- + Thay thế hệ thống nâng hạ cửa van bằng xilanh thủy lực; sửa chữa, thay thế các chi tiết bị hư hỏng của cửa van cung;

- + Cải tạo, kết hợp gia cố bổ sung mái thượng lưu bờ phải trần xả lũ bằng đá xây vữa M100 dày 30cm; hệ số mái $m=2,0$;

- + Làm mới hệ thống lan can bảo vệ từ trần số 1 sang trần số 2 bằng thép không gỉ.

- Trần số 2: Xử lý chống thấm qua trần số 2 bằng biện pháp

- + Làm tường chống thấm thượng lưu trần bằng BTCT M200; phạm vi tường từ cao trình ngưỡng trần đến dưới cao trình sân thượng lưu 1,5m (có bố trí neo thép vào thân trần cũ);

- + Bóc bỏ lớp đá xây cũ, gia cố lại sân thượng lưu trần bằng BTCT M200 dày 50cm.

d) Nhà quản lý:

- Xây dựng mới nhà quản lý phục vụ công tác phòng chống thiên tai theo tiêu chuẩn nhà cấp IV, diện tích sử dụng 70m²;

- Xây dựng mới công bảo vệ kết hợp công chào công trình hồ chứa nước Cẩm Sơn.

e) Đường quản lý

Nâng cấp đường quản lý (đường vào bến công binh) dài 900m theo tiêu chuẩn đường cấp IV khu vực miền núi; mặt đường rộng 3,5m, lề đường rộng 0,5m; kết cấu mặt đường bằng BT M250 dày 20cm.

11.2. Hồ Cửa Cốc

a) Đập đất:

- Xử lý thấm thân đập bằng biện pháp đào bỏ khối đất đắp đập đập có hệ số thấm lớn; đắp áp trục mái thượng lưu bằng đất đắp hệ số đầm chặt $K \geq 0,97$ và sửa chữa mái hạ lưu theo mặt cắt thiết kế; chiều rộng mặt đập $B=5,0m$, hệ số mái thượng lưu $m=2,5$, hệ số mái hạ lưu $m=2-3$;

- Làm mới tường chắn sóng cao 0,65m, kết cấu bằng BTCT M250; thiết bị thoát nước thấm thân đập kiểu áp mái;

- Gia cố mặt đập bằng bằng BTCT M200 dày 18cm và gờ chắn bánh hạ lưu; làm rãnh thoát nước và trồng cỏ bảo vệ mái hạ lưu;

b) Cổng lấy nước:

- Phá bỏ cổng lấy nước cũ; xây dựng cổng lấy nước mới cạnh vị trí cổng cũ; kết cấu cổng bằng ống thép D600mm, bọc BTCT M300; đóng mở bằng van côn đặt trong nhà van hạ lưu;

- Gia cố đoạn kênh sau cổng lấy nước dài 16,5m; mặt cắt bxxh = 0,5x0,65m; kết cấu bằng BTCT M250.

c) Tràn xả lũ:

Xây mới tràn xả lũ tại vị trí tràn hiện tại, hình thức tràn tự do, mặt cắt thực dụng; nối tiếp bằng dốc nước, bậc nước kết hợp bể tiêu năng. Các chỉ tiêu thiết kế như sau:

- Cao trình ngưỡng tràn + 29,6m; chiều rộng tràn B = 6,0m; sau ngưỡng tràn là dốc nước có tổng chiều dài L = 39,5m và bậc nước kết hợp bể tiêu năng (gồm 2 bậc, mỗi bậc có kích thước bxxh = 4,0x13,0x1,2m). Toàn bộ tràn có kết cấu bằng BTCT M250;

- Gia cố kênh thoát lũ sau tràn dài 41,0m; kết cấu bằng BTCT M200;

- Làm mới cầu qua tràn kiểu cầu bản, chiều rộng mặt cầu rộng B = 5,0m; kết cấu bằng BTCT M250.

d) Đường quản lý:

Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường quản lý dài 277m theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B, mặt đường rộng 3,0m, lề đường rộng 0,5m; kết cấu mặt đường bằng BT M250 dày 18cm;

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt là: **68.163.000.000 đồng**

(Sáu mươi tám tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu đồng)

TT	Nội dung chi phí	Kinh phí (đ)
I	Giai đoạn chuẩn bị dự án	1.478.000.000
II	Giai đoạn thực hiện dự án	66.685.000.000
1	Chi phí xây dựng	37.857.000.000
2	Chi phí thiết bị	11.871.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	911.000.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.217.000.000
5	Chi phí khác	1.090.000.000
6	Chi phí dự phòng	10.739.000.000
	Tổng cộng	68.163.000.000

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.**14. Thời gian thực hiện dự án:**

- Chuẩn bị dự án: 2021 ÷ 2023.

- Thực hiện dự án: 2023 ÷ 2025.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

16. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế chi tiết:

- Khảo sát, đánh giá các thanh chống của cửa van tràn xả lũ số 1 hồ Cẩm Sơn và đề xuất biện pháp sửa chữa, thay thế (nếu có);
- Khảo sát, đánh giá hiện trạng về môi xâm hại đập và xử lý các ản họa trong thân đập (nếu có);
- Nghiên cứu lựa chọn giải pháp sử dụng lại phần đá lát mái thượng lưu đập chính hồ Cẩm Sơn để tiết kiệm kinh phí đầu tư;
- Khi lập biện pháp thi công, lưu ý giải pháp dẫn dòng phải phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phải phục vụ sản xuất của công trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- a) Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2
 - Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu khả thi theo nội dung được phê duyệt theo Quyết định này; chuyển giao tài liệu có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị dự án cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương để thực hiện các bước tiếp theo;
 - Lập hồ sơ nghiệm thu, trình duyệt quyết toán và lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo đúng các quy định hiện hành.
- b) Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành
- c) Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành
- d) Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở NN&PTNT Bắc Giang;
- Kho bạc NN Bắc Giang;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TL ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	NỘI DUNG	Kinh phí (đ)		
		Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN			
	Theo Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; Văn bản số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	1.478.000.000		1.478.000.000
	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN			
I	Chi phí xây dựng	34.415.000.000	3.442.000.000	37.857.000.000
	Hồ Cẩm Sơn	26.716.000.000	2.672.000.000	29.388.000.000
	Hồ Cửa Cốc	7.699.000.000	770.000.000	8.469.000.000
II	Chi phí thiết bị	10.792.000.000	1.079.000.000	11.871.000.000
	Hồ Cẩm Sơn	10.719.000.000	1.072.000.000	11.791.000.000
	Hồ Cửa Cốc	73.000.000	7.000.000	80.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	911.000.000		911.000.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.838.000.000	379.000.000	4.217.000.000
	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	615.436.000	61.544.000	676.980.000
	Chi phí tư vấn thiết kế BVTC-DT			
	Cẩm Sơn	1.388.564.000	138.856.000	1.527.420.000
	Cửa Cốc	397.557.000	39.756.000	437.313.000
	Tư vấn thiết kế thiết bị cơ khí	230.030.000	23.003.000	253.033.000
	Chi phí tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC	49.902.000	4.990.000	54.892.000
	Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán công trình	48.181.000	4.818.000	52.999.000
	Chi phí giám sát thi công xây dựng	754.033.000	75.403.000	829.436.000
	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	76.299.000	7.630.000	83.929.000
	Chi phí giám sát khảo sát	25.048.000	2.505.000	27.553.000
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn lập TKBVTC-DT	14.755.000	1.476.000	16.231.000
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	82.252.000	8.225.000	90.477.000
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu lắp đặt thiết bị	30.002.000	3.000.000	33.002.000

TT	NỘI DUNG	Kinh phí (đ)		
		Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị	6.776.000	678.000	7.454.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập thiết kế BVTC	2.402.000		2.402.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát TC và lắp đặt thiết bị	2.000.000		2.000.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	34.415.000		34.415.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	10.792.000		10.792.000
	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	69.364.000	6.936.000	76.300.000
V	Chi phí khác	1.015.000.000	75.000.000	1.090.000.000
	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC	9.980.000		9.980.000
	Chi phí thẩm định dự toán	9.636.000		9.636.000
	Chi phí kiểm toán độc lập	262.434.000	26.243.000	288.677.000
	Thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường	30.000.000		30.000.000
	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình	100.000.000	10.000.000	110.000.000
	Chi phí kiểm tra, phê duyệt quyết toán	84.031.000		84.031.000
	Chi phí bảo hiểm công trình	389.192.000	38.919.000	428.111.000
	Rà phá bom mìn, vật nổ hồ Cửa Cốc (tạm tính)	130.000.000		130.000.000
VI	Chi phí dự phòng	9.762.000.000	977.000.000	10.739.000.000
	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh	5.006.000.000	501.000.000	5.507.000.000
	Chi phí dự phòng do trượt giá	4.756.000.000	476.000.000	5.232.000.000
	Tổng cộng	62.211.000.000	5.952.000.000	68.163.000.000

Số: 2434 /QĐ-BNN-TL

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần số 03: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Bắc Giang thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014, số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 08/2017/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 72/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Quy định chi tiết một số nội dung và quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 3233/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước; số 1421/QĐ-BNN-KH ngày 07/4/2023 của Bộ NN&PTNT về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước;

Văn bản số 337/UBND-KTN ngày 09/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc giao chủ đầu tư thực hiện Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước Cẩm Sơn và Cửa Cốc;

Văn bản số 1924/UBND-KTN-TL ngày 19/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc thống nhất quy mô đầu tư, TMĐT công trình hồ Cẩm Sơn và hồ Cửa Cốc, tỉnh Bắc Giang;

Xét Tờ trình số 65/TTr-BQL2-KHĐT ngày 28/4/2023 của Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng thủy lợi II về việc thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo kết quả thẩm tra của Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sao Mai - Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển và Hội nhập toàn cầu - Trung tâm Tư vấn Khoa học công nghệ phát triển tài nguyên nước tại các báo cáo số 40/BCTT-SAMICO ngày 06/3/2023 của Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Sao Mai; số 05/BC-TC ngày 06/02/2023 của Công ty TNHH Hỗ trợ phát triển và Hội nhập Toàn Cầu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch kèm theo Báo cáo thẩm định số 612/BC-TL-ATĐ ngày 31/5/2023 của Cục Thủy lợi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án thành phần số 03 thuộc Dự án Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn hồ, đập chứa nước với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án thành phần: Sửa chữa cấp bách đảm bảo an toàn một số hồ chứa tỉnh Bắc Giang.

2. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Chủ đầu tư:

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2
- Giai đoạn thực hiện đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

Sửa chữa, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa nước Cẩm Sơn, Cửa Cốc nhằm đảm bảo an toàn công trình đầu mối và hạ du; phát huy tối đa nhiệm vụ công trình, chủ động trong công tác quản lý vận hành và nâng cao khả năng ứng phó khi có tình huống khẩn cấp.

5. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Viện Thủy công - Trung tâm Khoa học và Triển khai kỹ thuật Thủy lợi - Tổng Công ty Tư vấn xây dựng Thủy lợi Việt Nam - Công ty TNHH Nam Việt - Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng Miền Trung - Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng An Thịnh.

6. Địa điểm xây dựng: Huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

7. Diện tích đất sử dụng: Không.

8. Loại, cấp công trình, chỉ tiêu thiết kế:

- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Nhóm dự án thành phần: Dự án nhóm C.
- Cấp công trình, các chỉ tiêu thiết kế:

Chỉ tiêu thiết kế	Cẩm Sơn	Cửa Cốc
Cấp công trình	Cấp I	Cấp III
Tần suất lũ thiết kế (%)	0,5	1,5
Tần suất lũ kiểm tra	0,1	0,5

9. Số bước thiết kế:

- Thiết kế 2 bước:
- Thiết kế cơ sở
 - Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng.

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2022/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12845:2020 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo NCKT, Báo cáo NCKT và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4118:2021 Công trình thủy lợi - Hệ thống dẫn, chuyển nước - Yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4253:2012 Công trình thủy lợi - nền các công trình thủy công - yêu cầu thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8477:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8478:2018 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 12571:2018 Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung công tác khảo sát, tính toán thủy văn giai đoạn lập dự án và thiết kế;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8298:2009 Chế tạo và lắp ráp thiết bị cơ khí, kết cấu thép của công trình thủy lợi;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9147:2012 Quy trình tính toán thủy lực đập tràn;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4055:2012 Tổ chức thi công;
- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các tiêu Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam liên quan khác.

11. Phương án xây dựng: Theo hình thức sửa chữa, nâng cấp. Cụ thể:

11.1. Hồ Cẩm Sơn

a) Đập đất:

- Sửa chữa mái thượng lưu và 2 vai đập theo phương án bóc bỏ lớp đã lát khan cũ; gia cố lại bằng các tấm BTCT M250 dày 15cm, kích thước mỗi tấm 5,0x5,0m từ cao trình +60,0m đến đỉnh đập. Sửa chữa, chỉnh trang và sơn tường chắn sóng;
- Bổ sung rãnh thoát nước mái hạ lưu đập, sửa chữa kênh đo thấm; kết cấu bằng gạch xây vữa M100;

b) Cổng lấy nước:

- Sửa chữa, cải tạo nhà tháp van bằng biện pháp đục sòm sau đó trát lại, thay mới cửa đi, cửa sổ và lan can; xử lý thấm và lợp lại mái;

- Thay mới cửa van cổng lấy nước (gồm cả van vận hành và van sửa chữa), đóng mở bằng vít me điện kết hợp thủ công;

- Xử lý rò rỉ tại khớp nối số 3 và số 4 theo phương án tháo ra, thay gioăng cao su sau đó lắp lại; thay thế các tấm nắp BTCT tại 04 ô khớp nối.

c) Trần xả lũ:

- Trần số 1

- + Thay mới 12 cánh phai dự phòng và hệ thống cầu trục nâng hạ cánh phai bằng điện; làm mới hệ thống lan can bảo vệ 2 bên trần bằng thép không gỉ;

- + Thay thế hệ thống nâng hạ cửa van bằng xilanh thủy lực; sửa chữa, thay thế các chi tiết bị hư hỏng của cửa van cung;

- + Cải tạo, kết hợp gia cố bổ sung mái thượng lưu bờ phải trần xả lũ bằng đá xây vữa M100 dày 30cm; hệ số mái $m=2,0$;

- + Làm mới hệ thống lan can bảo vệ từ trần số 1 sang trần số 2 bằng thép không gỉ.

- Trần số 2: Xử lý chống thấm qua trần số 2 bằng biện pháp

- + Làm tường chống thấm thượng lưu trần bằng BTCT M200; phạm vi tường từ cao trình ngưỡng trần đến dưới cao trình sân thượng lưu 1,5m (có bố trí neo thép vào thân trần cũ);

- + Bóc bỏ lớp đá xây cũ, gia cố lại sân thượng lưu trần bằng BTCT M200 dày 50cm.

d) Nhà quản lý:

- Xây dựng mới nhà quản lý phục vụ công tác phòng chống thiên tai theo tiêu chuẩn nhà cấp IV, diện tích sử dụng 70m²;

- Xây dựng mới công bảo vệ kết hợp công chào công trình hồ chứa nước Cẩm Sơn.

e) Đường quản lý

Nâng cấp đường quản lý (đường vào bến công bình) dài 900m theo tiêu chuẩn đường cấp IV khu vực miền núi; mặt đường rộng 3,5m, lề đường rộng 0,5m; kết cấu mặt đường bằng BT M250 dày 20cm.

11.2. Hồ Cửa Cốc

a) Đập đất:

- Xử lý thấm thân đập bằng biện pháp đào bỏ khối đất đắp đập đập có hệ số thấm lớn; đắp áp trục mái thượng lưu bằng đất đắp hệ số đầm chặt $K \geq 0,97$ và sửa chữa mái hạ lưu theo mặt cắt thiết kế; chiều rộng mặt đập $B=5,0m$, hệ số mái thượng lưu $m=2,5$, hệ số mái hạ lưu $m=2-3$;

- Làm mới tường chắn sóng cao 0,65m, kết cấu bằng BTCT M250; thiết bị thoát nước thấm thân đập kiểu áp mái;

- Gia cố mặt đập bằng bằng BTCT M200 dày 18cm và gờ chắn bánh hạ lưu; làm rãnh thoát nước và trồng cỏ bảo vệ mái hạ lưu;

b) Cổng lấy nước:

- Phá bỏ cổng lấy nước cũ; xây dựng cổng lấy nước mới cạnh vị trí cổng cũ; kết cấu cổng bằng ống thép D600mm, bọc BTCT M300; đóng mở bằng van côn đặt trong nhà van hạ lưu;

- Gia cố đoạn kênh sau cổng lấy nước dài 16,5m; mặt cắt bxxh = 0,5x0,65m; kết cấu bằng BTCT M250.

c) Tràn xả lũ:

Xây mới tràn xả lũ tại vị trí tràn hiện tại, hình thức tràn tự do, mặt cắt thực dụng; nối tiếp bằng dốc nước, bậc nước kết hợp bể tiêu năng. Các chỉ tiêu thiết kế như sau:

- Cao trình ngưỡng tràn + 29,6m; chiều rộng tràn B = 6,0m; sau ngưỡng tràn là dốc nước có tổng chiều dài L = 39,5m và bậc nước kết hợp bể tiêu năng (gồm 2 bậc, mỗi bậc có kích thước bxxh = 4,0x13,0x1,2m). Toàn bộ tràn có kết cấu bằng BTCT M250;

- Gia cố kênh thoát lũ sau tràn dài 41,0m; kết cấu bằng BTCT M200;

- Làm mới cầu qua tràn kiểu cầu bản, chiều rộng mặt cầu rộng B = 5,0m; kết cấu bằng BTCT M250.

d) Đường quản lý:

Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường quản lý dài 277m theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B, mặt đường rộng 3,0m, lề đường rộng 0,5m; kết cấu mặt đường bằng BT M250 dày 18cm;

12. Tổng mức đầu tư của dự án:

Tổng mức đầu tư được duyệt là: **68.163.000.000 đồng**

(Sáu mươi tám tỷ, một trăm sáu mươi ba triệu đồng)

TT	Nội dung chi phí	Kinh phí (đ)
I	Giai đoạn chuẩn bị dự án	1.478.000.000
II	Giai đoạn thực hiện dự án	66.685.000.000
1	Chi phí xây dựng	37.857.000.000
2	Chi phí thiết bị	11.871.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	911.000.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.217.000.000
5	Chi phí khác	1.090.000.000
6	Chi phí dự phòng	10.739.000.000
	Tổng cộng	68.163.000.000

(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.**14. Thời gian thực hiện dự án:**

- Chuẩn bị dự án: 2021 ÷ 2023.

- Thực hiện dự án: 2023 ÷ 2025.

15. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

16. Một số lưu ý trong giai đoạn thiết kế chi tiết:

- Khảo sát, đánh giá các thanh chống của cửa van tràn xả lũ số 1 hồ Cẩm Sơn và đề xuất biện pháp sửa chữa, thay thế (nếu có);
- Khảo sát, đánh giá hiện trạng về môi trường xâm hại đập và xử lý các ảnh hưởng trong thân đập (nếu có);
- Nghiên cứu lựa chọn giải pháp sử dụng lại phần đá lát mái thượng lưu đập chính hồ Cẩm Sơn để tiết kiệm kinh phí đầu tư;
- Khi lập biện pháp thi công, lưu ý giải pháp dẫn dòng phải phù hợp với điều kiện vừa thi công vừa phải phục vụ sản xuất của công trình.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

a) Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2

- Hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo Nghiên cứu khả thi theo nội dung được phê duyệt theo Quyết định này; chuyển giao tài liệu có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị dự án cho Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương để thực hiện các bước tiếp theo;

- Lập hồ sơ nghiệm thu, trình duyệt quyết toán và lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án theo đúng các quy định hiện hành.

b) Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành

c) Cục Thủy lợi là cơ quan chuyên môn về xây dựng, đơn vị đầu mối thẩm định, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành

d) Vụ Kế hoạch; Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thủy lợi, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Sông Thương, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng thủy lợi 2 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở NN&PTNT Bắc Giang;
- Kho bạc NN Bắc Giang;
- Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương
- Các Vụ: KH, TC;
- Lưu: VT, TL.

KT.BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-TL ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	NỘI DUNG	Kinh phí (đ)		
		Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
	GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN			
	Theo Quyết định số 108/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 21/11/2022; Văn bản số 67/BQL2-KHTĐ ngày 10/5/2022)	1.478.000.000		1.478.000.000
	GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN			
I	Chi phí xây dựng	34.415.000.000	3.442.000.000	37.857.000.000
	Hồ Cẩm Sơn	26.716.000.000	2.672.000.000	29.388.000.000
	Hồ Cửa Cốc	7.699.000.000	770.000.000	8.469.000.000
II	Chi phí thiết bị	10.792.000.000	1.079.000.000	11.871.000.000
	Hồ Cẩm Sơn	10.719.000.000	1.072.000.000	11.791.000.000
	Hồ Cửa Cốc	73.000.000	7.000.000	80.000.000
III	Chi phí quản lý dự án	911.000.000		911.000.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	3.838.000.000	379.000.000	4.217.000.000
	Chi phí khảo sát địa hình, địa chất bổ sung	615.436.000	61.544.000	676.980.000
	Chi phí tư vấn thiết kế BVTC-DT			
	Cẩm Sơn	1.388.564.000	138.856.000	1.527.420.000
	Cửa Cốc	397.557.000	39.756.000	437.313.000
	Tư vấn thiết kế thiết bị cơ khí	230.030.000	23.003.000	253.033.000
	Chi phí tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC	49.902.000	4.990.000	54.892.000
	Chi phí tư vấn thẩm tra dự toán công trình	48.181.000	4.818.000	52.999.000
	Chi phí giám sát thi công xây dựng	754.033.000	75.403.000	829.436.000
	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	76.299.000	7.630.000	83.929.000
	Chi phí giám sát khảo sát	25.048.000	2.505.000	27.553.000
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu tư vấn lập TKBVTC-DT	14.755.000	1.476.000	16.231.000
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	82.252.000	8.225.000	90.477.000
	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu lắp đặt thiết bị	30.002.000	3.000.000	33.002.000

TT	NỘI DUNG	Kinh phí (đ)		
		Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị	6.776.000	678.000	7.454.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn lập thiết kế BVTC	2.402.000		2.402.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát TC và lắp đặt thiết bị	2.000.000		2.000.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng	34.415.000		34.415.000
	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu lắp đặt thiết bị	10.792.000		10.792.000
	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng	69.364.000	6.936.000	76.300.000
V	Chi phí khác	1.015.000.000	75.000.000	1.090.000.000
	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC	9.980.000		9.980.000
	Chi phí thẩm định dự toán	9.636.000		9.636.000
	Chi phí kiểm toán độc lập	262.434.000	26.243.000	288.677.000
	Thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường	30.000.000		30.000.000
	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu bàn giao công trình	100.000.000	10.000.000	110.000.000
	Chi phí kiểm tra, phê duyệt quyết toán	84.031.000		84.031.000
	Chi phí bảo hiểm công trình	389.192.000	38.919.000	428.111.000
	Rà phá bom mìn, vật nổ hồ Cửa Cốc (tạm tính)	130.000.000		130.000.000
VI	Chi phí dự phòng	9.762.000.000	977.000.000	10.739.000.000
	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh	5.006.000.000	501.000.000	5.507.000.000
	Chi phí dự phòng do trượt giá	4.756.000.000	476.000.000	5.232.000.000
	Tổng cộng	62.211.000.000	5.952.000.000	68.163.000.000